

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 181/2024/DS-ST
Ngày: 25-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Huân.

2. Ông Nguyễn Tấn Hưng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 380/2024/TLST-DS ngày 02/8/2024 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2024/QĐXXST-DS ngày 21/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 111/2024/QĐST-DS ngày 09/9/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn G (Công ty G); địa chỉ: Tầng E, khối E, Tòa nhà C, số B đường C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Trung H, sinh năm 1999; địa chỉ liên hệ: Tổ B, ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (*Văn bản ủy quyền số 122-07/UQ/G-QTBD ngày 10/7/2024*).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1988; địa chỉ: Số B, khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Dương Trung H có mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn D được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2024, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Dương Trung H trình bày:**

Ngày 06/5/2019, Công ty T (S) và ông Nguyễn Văn D có ký kết hợp đồng tín dụng thể hiện tại “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế” (không có số và ngày ký kết). Theo đó, mục đích vay tiền là mua xe máy; hạn mức tín dụng tối đa là 60.000.000 đồng và hạn mức tín dụng tối thiểu là 2.000.000 đồng; số tiền vay là 24.518.000 đồng; thời hạn vay 18 tháng kể từ ngày giải ngân 03/11/2020; lãi suất vay thỏa thuận là 2,13%/tháng, tương đương là 25,89%/năm; hình thức trả nợ là góp hàng tháng, mỗi tháng trả 1.654.000 đồng. Khi ký “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế” thì ông D có giao cho S bản sao chứng minh nhân dân và hộ khẩu của ông D. Tính đến ngày 05/7/2019, ông D đã thanh toán được số tiền 3.332.000 đồng.

Ngày 30/3/2021, S với Công ty G có ký kết “Hợp đồng mua bán nợ” số VPBFC-G-21-0003 và “Biên bản xác nhận khoản nợ đã được mua bán” số 26980A/2024/BBXNMBN/GLXDT ngày 11/6/2024. Theo đó, S đã bán số tiền nợ của ông D cho Công ty G với số tiền nợ cụ thể tính đến ngày 29/3/2021 là 25.854.786 đồng, trong đó số nợ gốc là 22.247.493 đồng, nợ lãi là 3.607.293 đồng.

Nay, Công ty G yêu cầu ông D thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 29/3/2021 là 25.854.786 đồng, trong đó số nợ gốc là 22.247.493 đồng, nợ lãi là 3.607.293 đồng và yêu cầu thanh toán một lần và thanh toán ngay.

- *Chứng cứ nguyên đơn G cung cấp:* Đơn khởi kiện ngày 10/7/2024 của Công ty TNHH G (bản gốc); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao); Văn bản ủy quyền số 122-07/UQ/G-QTBD ngày 10/7/2024 (bản gốc); Căn cước công dân của ông Dương Trung H (bản sao); “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế” (bản sao); “Hợp đồng mua bán nợ” số VPBFC-G-21-0003 ngày 30/3/2021 (bản sao); “Biên bản xác nhận khoản nợ đã được mua bán” số 26980A/2024/BBXNMBN/GLXDT ngày 11/6/2024 (bản sao); Chứng minh nhân dân và hộ khẩu của ông Nguyễn Văn D (bản sao); Vận đơn bưu chính (bản sao); Đơn đề nghị về việc không chuyển hồ sơ hòa giải theo Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án (bản gốc); Bản tự khai của ông H ngày 07/8/2024 (bản gốc); Đơn đề nghị về việc không tiến hành hòa giải theo Bộ luật Tố tụng dân sự ngày 20/8/2024 của ông H (bản gốc).

*** Quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn D:**

Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho bị đơn ông D, ông D đã nhận các văn bản tố tụng và chứng cứ nguyên đơn cung cấp nhưng phía bị đơn ông D

không cung cấp chứng cứ, không trình bày ý kiến và không tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

- *Chứng cứ bị đơn ông D cung cấp*: Ông D không cung cấp chứng cứ, không tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông H có mặt; bị đơn ông D được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn ông D theo quy định. Quan hệ pháp luật tranh chấp “tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay khắc phục. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty G theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty G ông H có mặt; Bị đơn ông D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn ông D theo quy định.

[2] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn Công ty G ông H xác định yêu cầu khởi kiện của Công ty G là Công ty G yêu cầu ông D thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 29/3/2021 là 25.854.786 đồng, trong đó số nợ gốc là 22.247.493 đồng, nợ lãi là 3.607.293 đồng và yêu cầu thanh toán một lần và thanh toán ngay.

Xét thấy, bị đơn ông D có nơi cư trú tại khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 26, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông H có mặt, bị đơn ông D vắng mặt nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Nguyên đơn Công ty G yêu cầu ông D thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 29/3/2021 là 25.854.786 đồng, trong đó số nợ gốc là 22.247.493 đồng, nợ lãi là 3.607.293 đồng và yêu cầu thanh toán một lần và thanh toán ngay.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông D tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng bị đơn ông D vắng mặt không có lý do; đồng thời bị đơn ông D cũng không cung cấp chứng cứ, không cung cấp ý kiến của mình.

Ngày 30/3/2021, S với Công ty G có ký kết “Hợp đồng mua bán nợ” số VPBFC-G-21-0003 và “Biên bản xác nhận khoản nợ đã được mua bán” số 26980A/2024/BBXNMBN/GLXDT ngày 11/6/2024. Theo đó, S đã bán số tiền nợ của ông D cho Công ty G nên Công ty G có quyền khởi kiện yêu cầu ông D thanh toán số tiền còn nợ.

Theo quy định tại các Điều 117, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đến thời điểm xét xử, không có căn cứ nào xác định bị đơn ông D đã thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 29/3/2021 là 25.854.786 đồng, trong đó số nợ gốc là 22.247.493 đồng, nợ lãi là 3.607.293 đồng cho S hoặc Công ty G.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty G bị đơn ông D có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 29/3/2021 là 25.854.786 đồng, trong đó số nợ gốc là 22.247.493 đồng, nợ lãi là 3.607.293 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần thủ tục tố tụng, người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như nội dung đề nghị giải quyết là phù hợp pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 36, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 117, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ các Điều 100, 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Công ty trách nhiệm hữu hạn G (Công ty G) đối với ông Nguyễn Văn D.

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn G (Công ty G) tổng số tiền là 25.854.786 đồng (*hai mươi lăm triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng*), theo

“Hợp đồng mua bán nợ” số VPBFC-G-21-0003 và “Biên bản xác nhận khoản nợ đã được mua bán” số 26980A/2024/BBXNMBN/GLXDT ngày 11/6/2024 giữa Công ty T (S) với Công ty trách nhiệm hữu hạn G (Công ty G).

1.2. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc ông Nguyễn Văn D phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.292.739 đồng (*một triệu hai trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng*).

2.2. Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn G (Công ty G) toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 646.370 đồng (*sáu trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm bảy mươi đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000357 ngày 31/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, ngày 25/9/2024.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

4. Quyền yêu cầu thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đồng